

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2017

“V/v: Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
không công nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

2. Bà Đỗ Thị Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bp. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 342/2017/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn S (S); Sinh năm 1968. (Có mặt).

HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện BÐ, tỉnh BP.

2. *Bị đơn:* Bà Bàn Thị L (L); Sinh năm 1968. (Có mặt).

HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện BÐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lý Văn S (S) bày: Ông và bà L tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ khoảng năm 1990, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà L chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2013 bắt đầu phát S mâu thuẫn, nguyên nhân do ông nghi ngờ bà L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, ông và bà L đã sống ly thân từ giữa năm 2013 đến nay; Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không hàn gắn tình cảm. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục₁

chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa ông và bà L không pH là quan hệ vợ chồng; ông và bà L có 03 con chung là Lý Văn HH, sinh năm 1991; Lý Văn H, sinh năm 1993 và Lý Hồng V, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã thành niên, thể chất và tinh thần bình thường, sống tự lập, nên ông không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ ông và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bàn Thị L (L) trình bày: Bà xác nhận nội dung ông S trình bày về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản, nợ chung như ông S trình bày là đúng và trình bày thêm, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác nhưng không đúng. Tuy nhiên thực tế bà với ông S không còn tình cảm vợ chồng trong nhiều năm qua mà đã sống ly thân ngày không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt quan hệ tình cảm giữa ông S với bà. Về con chung, tài sản, nợ chung bà thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của ông S.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn.

Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của ông S bà L, lời khai của các con ông S bà L và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện: Ông S bà L tự nguyện tìm hiểu, chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn phát S từ đầu năm 2013 và chủ yếu do không tin tưởng nhau, nghi ngờ một bên có quan hệ ngoại tình nên ông S bà L sống ly thân từ giữa năm 2013 cho đến nay; Ông S bà L có 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi, thể chất, tinh thần bình thường; Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con, do các con chung đã thành niên; Ông S bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tình cảm: Ông S và bà L tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ khoảng năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng giữa năm 2013 bắt đầu phát S mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không tin tưởng nhau về tình cảm và đã sống ly thân trong thời gian dài, không thể hàn gắn tình cảm, đồng thời thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt quan hệ tình cảm.

Như vậy, ông S và bà L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Quá trình chung sống phát S mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay hai bên cương quyết yêu cầu chấm dứt quan hệ tình cảm nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn và ý kiến của bị đơn, tuyên bố quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông S và bà L có 03 con chung là Lý Văn HH, sinh năm 1991; Lý Văn H, sinh năm 1993 và Lý Hồng V, sinh năm 1998. Hiện tại cả 03 con chung đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần; ông S, bà L và 03 con chung không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con nên không giải quyết.

[3] Về tài sản, nợ chung: Ông S và bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Tuyên bố quan hệ giữa ông Lý Văn S (S) với bà Bàn Thị L (L) không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Sinh phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021616 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bp;
- VKSND huyện BD;
- CCTHADS huyện BD;
- UBND xã Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ